

THỰC TRẠNG CÔNG KHAI XU HƯỚNG TÍNH DỤC CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2022

Phan Thanh Hải¹, Phan Thị Ngọc Tuyền², Nguyễn Quý An³, Trang Triều Quân¹, Trần Vĩ Khang¹, Nguyễn Văn Tín¹, Phạm Thị Ngọc Nga¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Vấn đề tồn tại từ rất lâu nhưng những hiểu biết về cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) còn hạn chế. **Mục tiêu:** Khảo sát thực trạng công khai xu hướng tính dục của người LGBT tại thành phố Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, trên người 150 LGBT tại quận Ninh Kiều, Bình Thủy và Cái Răng của Thành phố Cần Thơ. **Kết quả:** Có 63,3% đối tượng đã công khai công khai xu hướng tính dục. Mức độ công khai của các đối tượng với gia đình, bạn bè, nơi làm việc và nơi học tập khác nhau. Tại môi trường mức độ công khai chiếm tỷ lệ cao nhất là công khai với 1 đối tượng. Trong và 36,7% người LGBT chưa công khai thì đa số các đối tượng 34/55 (61,8%) còn phân vân chưa biết có hay không công khai xu hướng tình dục; 16/55 (29,1%) đối tượng có ý định công khai và 5/55 (9,1%). **Kết luận:** Còn một số lượng khá lớn (36,7%) các đối tượng trong nghiên cứu chưa và còn phân vân trong việc công khai. Tư vấn hỗ trợ tâm lý cho cộng đồng LGBT là hoạt động cần thiết để hỗ trợ người LGBT tự tin hơn trong cuộc sống hiện tại và tương lai. **Từ khóa:** Công khai xu hướng tính dục, LGBT, Cần Thơ

SUMMARY

THE CURRENT STATE OF PUBLICLY EXPRESSED SEXUAL ORIENTATIONS OF LESBIAN, GAY, BISEXUAL AND TRANSGENDER PEOPLE IN CAN THO CITY

Background: Although it has existed for a long time, understanding of the lesbian, gay, bisexual, and transgender (LGBT) community remains limited. **Objectives:** To investigate the current state of publicly expressed sexual orientation trends among LGBT individuals in Can Tho City. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 150 LGBT individuals in the districts of Ninh Kieu, Binh Thuy, and Cai Rang in Can Tho City. **Results:** Among the participants, 63.3% had publicly expressed their sexual orientation. The level of openness varied across different aspects of their lives, including with family, friends, workplaces, and educational institutions. The highest level of openness was observed with one's partner. Among the 36.7% who had not disclosed their sexual orientation, 34 out

of 55 participants (61.8%) were unsure about whether to reveal their orientation or not; 16 out of 55 (29.1%) intended to come out, and 5 out of 55 (9.1%) did not intend to. Conclusion: A significant proportion (36.7%) of the participants in the study had not yet come out or were uncertain about doing so. Providing psychological support and counseling for the LGBT community is crucial to help them feel more confident in their present and future lives. **Keywords:** Publicity of sexual orientation, LGBT, Can Tho

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự tồn tại của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) trong xã hội là sự thật và không thể chối bỏ. Hiện vẫn chưa có điều tra nào cho một con số ước lượng chính xác về số lượng người LGBT ở Việt Nam. Theo số liệu của Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường (Institute for Social, Economic and Environmental Research - ISEE), Việt Nam hiện đang có khoảng 1,6 triệu người đồng tính, song tính và chuyển giới ở độ tuổi 15-59 [1]. Kết quả từ báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới thì khoảng 3% dân số có thiên hướng tính dục đồng tính, nếu lấy tỷ lệ này áp dụng cho Việt Nam thì hiện nay cả nước có khoảng gần 3 triệu người LGBT [1], [2], [3]. Nhưng rất nhiều người trong số họ phải sống trong vỏ bọc để tránh sự kì thị, xa lánh của những người xung quanh. Mặc dù người đồng tính là một phần hợp thành nên xã hội loài người nhưng ở nhiều nơi trên thế giới họ vẫn là nạn nhân của những hành vi ngược đãi. Thậm chí, trước đây, đồng tính luyến ái được coi là một loại bệnh tâm thần được hình thành đồng thời dưới cả khía cạnh bệnh lý và tâm lý [3], [4]. Nhiều người cũng cho rằng, hiện tượng đồng tính luyến ái là sự phát triển lệch lạc, lệch chuẩn về cả đạo đức và lối sống, trái với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam. Trong nhiều năm trở lại đây, nhiều người không ngần ngại công khai mình là người đồng tính. Nhiều phong trào đòi quyền bình đẳng, đòi quyền được kết hôn cho những người đồng tính luyến ái đã xuất hiện ở khá nhiều nước trên thế giới [5]. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: *Khảo sát thực trạng công khai xu hướng tính dục của người LGBT tại thành phố Cần Thơ năm 2022.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: người LGBT

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

²Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Cần Thơ

³Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Thị Ngọc Nga

Email: ptnnga@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 8.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 10.11.2023

Ngày duyệt bài: 22.11.2023

trên 18 tuổi đang sinh sống và làm việc tại quận Ninh Kiều, Bình Thủy và Cái Răng của Thành phố Cần Thơ đồng ý tham gia nghiên cứu trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 8 năm 2023.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- **Thiết kế nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang

- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:**

chọn thuận tiện tất cả các đối tượng LGBT đang sinh sống và làm việc tại quận Ninh Kiều, Bình Thủy và Cái Răng của Thành phố Cần Thơ, đồng ý tham gia nghiên cứu trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 8 năm 2023. Có tổng 150 người LGBT đã tham gia.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: giới tính, trình độ, hoàn cảnh gia đình và thâm niên công tác phân bố theo địa điểm nghiên cứu

+ Thực trạng công khai xu hướng tính dục, bao gồm: tỷ lệ công khai, mức độ công khai và nhu cầu công khai xu hướng tính dục.

- **Phương pháp thu thập và đánh giá số liệu:** Số liệu được thu thập bằng bảng hỏi. Số liệu được nhập và xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 25.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng theo địa điểm nghiên cứu

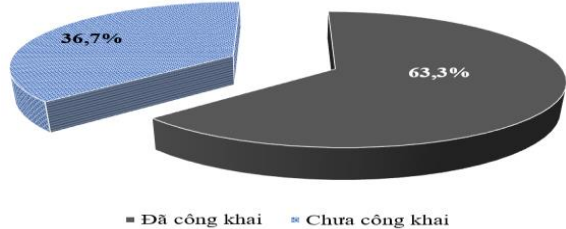
Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nữ	60	40%
Nam	90	60%
Trình độ học vấn		
Tốt nghiệp phổ thông	45	30,0
Đại học	82	70,0
Thạc sĩ	23	10,5
Hoàn cảnh gia đình		
Độc thân	60	40,0
Có gia đình	75	50,0
Ly hôn	15	10,0
Thâm niên công tác		
1 năm	30	20,0
Từ 2 – 3 năm	32	21,3
Trên 3 năm	88	58,6
Nơi cư trú		
Ninh Kiều	60	40,0
Cái Răng	50	33,3
Bình Thủy	40	26,7

Nhận xét: Tỷ lệ nam (60%) tham gia nghiên cứu nhiều hơn nữ (40%); trình độ đại học chiếm cao nhất (70%); 50% đối tượng đã có gia đình;

thâm niên công tác trên 3 năm (58,6%) chiếm tỷ lệ cao nhất và trong 3 quận, đối tượng cư trú tại quận Ninh Kiều nhiều nhất (40,0%).

3.2. Thực trạng công khai xu hướng tính dục

3.2.1. Tỷ lệ công khai xu hướng tính dục (n=150)



Biểu đồ 1. Tỷ lệ công khai xu hướng tính dục của người LGBT

Nhận xét: có 95/150 (63,3%) đối tượng đã công khai và 55/150 (36,7%) người LGBT chưa công khai xu hướng tính dục được ghi nhận trong nghiên cứu.

3.2.2. Mức độ công khai xu hướng tính dục

- Mức độ công khai xu hướng tính dục của người LGBT với bạn bè

Bảng 2. Mức độ công khai xu hướng tính dục của người LGBT với bạn bè

STT	Nội dung	Số lượng (n=95)	Tỷ lệ (%)
1	Chưa công khai	8	8,4
2	Công khai với 01 người bạn	29	30,5
3	Công khai với 01 số bạn bè	21	22,1
4	Công khai với nhiều người bạn bè	20	21,1
5	Công khai với tất cả bạn bè quen biết	17	17,9
Tổng		95	100

Nhận xét: Ở các mức độ công khai với bạn bè, công khai với 01 người bạn khác chiếm tỷ lệ cao nhất 30,5% và thấp nhất là chưa công khai với bất kỳ người nào chiếm tỷ lệ 8,4%.

- Mức độ công khai xu hướng tính dục của người LGBT với gia đình

Bảng 3. Mức độ công khai xu hướng tính dục của người LGBT với gia đình

STT	Nội dung	Số lượng (n=95)	Tỷ lệ (%)
1	Chưa công khai	30	31,2
2	Công khai với 1 người	27	28,4
3	Công khai với nhiều người	13	13,7
4	Công khai tất cả thành viên	25	26,3
Tổng		95	100

Nhận xét: chưa công khai với gia đình chiếm tỷ lệ cao nhất 31,2%; ở các mức độ công khai với gia đình, công khai với 01 người nhà

28,4%; công khai tất cả thành viên, 26,3% và thấp nhất là công khai với nhiều người 13,7%.

- Mức độ công khai xu hướng tính dục của người LGBT với nơi làm việc

Bảng 4. Mức độ công khai xu hướng tính dục của người LGBT với nơi làm việc

STT	Nội dung	Số lượng (n=95)	Tỉ lệ (%)
1	Chưa công khai	30	31,6
2	Công khai với 01 người	27	28,4
3	Công khai tất cả thành viên	25	26,3
4	Công khai với lãnh đạo	13	13,7
Tổng		95	100

Nhận xét: chưa công khai với gia đình chiếm tỷ lệ cao nhất 31,6%; ở các mức độ công khai với nơi làm việc, công khai với 01 người nhà 28,4%; công khai tất cả thành viên, 26,3% và thấp nhất là công khai với lãnh đạo, 13,7%.

- Mức độ công khai xu hướng tính dục của người LGBT với nơi trường học

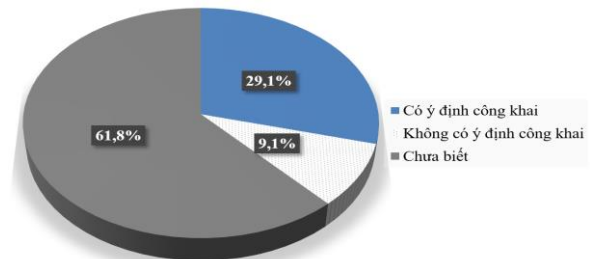
Bảng 4. Mức độ công khai xu hướng tính dục của người LGBT với nơi làm việc

STT	Nội dung	Số lượng (n=95)	Tỉ lệ (%)
1	Chưa công khai	20	21,0
2	Công khai với 01 người	34	35,8
3	Công khai với một số người	13	13,7
4	Công khai với giáo viên chủ nhiệm	22	23,2
5	Khác	6	6,3
Tổng		95	100

Nhận xét: chưa công khai với 1 người chiếm tỷ lệ cao nhất 35,8%; chưa công khai 21,0%.

3.2.3. Nhu cầu công khai xu hướng tính dục. Khảo sát nhu cầu công khai xu hướng tính dục của 55 người LGBT chưa công khai xu hướng tính dục, kết quả ghi nhận:

- Nhu cầu công khai (n=55)



Biểu đồ 2: Nhu cầu công khai của người LGBT được công khai xu hướng tính dục

Nhận xét: Đa số các đối tượng 34/55 (61,8%) còn phân vân chưa biết có hay không công khai xu hướng tính dục; 16/55 (29,1%) đối tượng có ý định công khai và 5/55 (9,1%) đối tượng không có ý định này.

- Đối tượng sẽ công khai (n=16). Khi nghiên cứu tiếp trong 16 người LGBT có xu hướng muốn công khai xu hướng tính dục đối tượng công khai cụ thể:

Bảng 2: Đối tượng sẽ công khai

STT	Nội dung	Số lượng (n=16)	Tỉ lệ (%)
1	Công khai với gia đình	14	87,6
2	Công khai với nhóm bạn bè thân	6	37,5
3	Công khai ở học đường	3	18,8
4	Công khai nơi làm việc	2	12,5

Nhận xét: Có đến 87,5% dự định sẽ công khai với gia đình, 37,5% có ý định công khai với nhóm bạn bè thân, 18,8% dự định sẽ công khai ở học đường và 12,5% dự định công khai nơi làm việc.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Trong nghiên cứu này có tổng 150 người LGBT đang sinh sống và làm việc tại thành phố Cần Thơ, nghiên cứu ghi nhận 90 nam (60%) và 60 nữ (40%), tỉ lệ nam/nữ là 3/2. Kết quả được giải thích do trong xã hội nam giới thường xuất hiện và được chú ý nhiều hơn nữ giới, và cũng có thể do trên thực tế nhóm đồng tính nam lộ diện nhiều hơn trong khi nhóm đồng tính nữ thường kín đáo hơn [1]. Về trình độ học vấn, trong nghiên cứu các đối tượng đều có trình độ cao, cụ thể: đại học (70%), 30% đã tốt nghiệp phổ thông và 10% là thạc sĩ. Về hoàn cảnh gia đình có 50,0% đối tượng có gia đình, độc thân là 40,0% và 10% ly hôn. Trong thâm niên công tác được đánh giá thì trên 3 năm chiếm tỷ lệ cao nhất (58,6%) tiếp đó là nhóm 2-3 năm (21,3%) và ít nhất là 1 năm (20%). Và do quận Ninh Kiều là quận lớn nhất tại thành phố Cần Thơ, nên đối tượng trong nghiên cứu này có 40% có nơi cư trú tại quận này, 33,3% sinh sống tại quận Cái Răng và 26,7% có nơi cư trú tại Bình Thủy.

4.2. Thực trạng công khai xu hướng tính dục

Tỷ lệ công khai xu hướng tính dục. Trong nghiên cứu này với 150 người LGBT tại Cần Thơ năm 2022 có đến 95/150 (63,3%) đối tượng đã công khai và 55/150 (36,7%) người LGBT chưa công khai xu hướng tính dục được ghi nhận. Kết quả này thể hiện sự cởi mở rất nhiều so với những năm trước đây. Trong nghiên cứu của ISEE tiến hành từ 2009 cho tới năm 2012, với những người đồng tính nam được hỏi, chỉ có 2,5% số người công khai hoàn toàn về xu hướng tính dục, và 5% gần như là công khai.

Trong khi đó, 32,5% đang hoàn toàn bí mật về xu hướng tính dục của mình và 35% gần như hoàn toàn bí mật. Số 25% còn lại "lúc thì bí mật lúc thì công khai" tùy thuộc vào môi trường. Người đồng tính không dám công khai ngay cả đối với những người gần gũi nhất với mình trong gia đình [2]. Xã hội phát triển dân trí được nâng cao và sự kỳ thị cũng thay đổi nhiều có thể là nguyên nhân cho sự khác biệt này.

Mức độ công khai xu hướng tính dục.

Đối với bạn bè, các đối tượng LGBT đa số họ đã công khai với 01 người bạn (30,5%), có 17,9% các đối tượng đã công khai với tất cả bạn bè quen biết, và có lần lượt 22,1% và 21,1% công khai với 1 số hoặc nhiều người bạn (Bảng 2). Tương tự, tỷ lệ công khai với 1 thành viên khác trong gia đình (28,4%), nơi làm việc (28,4%) hay trường học (35,8%), cũng chiếm tỷ lệ cao nhất. Và khi xem xét mức độ hạn chế công khai thì trong 4 môi trường, tỷ lệ không công khai tập trung cao nhất ở nơi làm việc (31,6%) và gia đình (31,2%) thấp nhất là bạn bè với 8,4%. Margaret Rosario và cộng sự [5] cũng ghi nhận mặc dù việc tiết lộ xu hướng tính dục với gia đình, bạn bè và những người khác là một phần quan trọng trong quá trình công khai giới tính của thanh niên LGBT, tuy nhiên mức độ công khai không giống nhau, đa số các đối tượng thường công khai với một người bạn thân trước khi tiết lộ với cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình. Năm 2019, nghiên cứu Nguyễn Thị Kim Ngân [1] ghi nhận có đến 78,2% các đối tượng cho biết họ đã từng bị phân biệt đối xử tại nơi làm việc, trong đó có hơn 30% thường xuyên bị phân biệt đối xử.

Trên 39 đối tượng đồng tính, Donatella Di Marco và cộng sự, 2022 [6], cũng cho thấy việc công khai giới tính các đối tượng đồng tính với đồng nghiệp của họ bị ảnh hưởng bởi bối cảnh văn hóa xã hội, trách nhiệm công việc trong cơ quan. Một nghiên cứu khác của Eisenberg, Marla E. và cộng sự, 2023 [7], các đặc điểm về bản sắc chủng tộc/dân tộc, bản sắc giới tính, bản dạng giới và giới tính khi sinh cũng ảnh hưởng nhiều không chỉ đến việc công khai xu hướng tính dục mà còn ảnh hưởng đến sự hỗ trợ tâm lý từ cha mẹ, cơ quan chức năng,...

Như vậy đối với người LGBT việc công khai xu hướng tính dục ở các môi trường là không giống nhau. Nó bị phụ thuộc rất nhiều yếu tố, đặc biệt là môi trường xung quanh. Nên việc công khai xu hướng tính dục hay không lệ thuộc phần nhiều vào sự cảm nhận môi trường xung quanh họ sống có an toàn hay không, nhất là với gia

đình, bạn bè, nơi làm việc và trong trường học. Bên cạnh đó thì yếu tố kinh tế cũng là nguyên nhân khá quan trọng để cho người LGBT làm tiêu chí mà công khai xu hướng tính dục hay không.

Nhu cầu công khai xu hướng tính dục.

Khảo sát nhu cầu công khai xu hướng tính dục của 55 người LGBT chưa công khai xu hướng tính dục, kết quả ghi nhận đa số các đối tượng 34/55 (61,8%) còn phân vân chưa biết có hay không công khai xu hướng tính dục; 16/55 (29,1%) đối tượng có ý định công khai và 5/55 (9,1%) đối tượng không có ý định này. Và khi dự định công khai, trong 16 đối tượng này có đến 87,5% dự định sẽ công khai với gia đình, 37,5% có ý định công khai với nhóm bạn bè thân, 18,8% dự định sẽ công khai ở học đường và 12,5% dự định công khai nơi làm việc. Như vậy đối với các bạn chưa công khai nhưng lại có ý định công khai xu hướng tính dục thì gia đình là sự chờ đợi để họ công khai nhiều nhất, tiếp theo sẽ là bạn bè.

Ghi nhận từ các kết quả trong nghiên cứu, ở cả đối tượng đã công khai hay chưa công khai nhưng có dự định sẽ công khai thì gia đình và bạn bè chính là những người quan trọng để họ thể hiện rõ bản thân. Ở nơi làm việc và trường học tuy có sự cởi mở trong việc công khai hơn nhưng phần lớn đối tượng LGBT vẫn còn e dè.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên người 150 LGBT tại quận Ninh Kiều, Bình Thủy và Cái Răng của Thành phố Cần Thơ kết quả ghi nhận có 63,3% đối tượng đã công khai xu hướng tính dục. Mức độ công khai của các đối tượng với gia đình, bạn bè, nơi làm việc và nơi học tập đa số dừng lại ở mức độ công khai với 1 người. Bên cạnh đó còn một số lượng khá lớn (36,7%) các đối tượng trong nghiên cứu chưa và còn phân vân trong việc công khai. Kết quả nghiên cứu cho thấy tư vấn hỗ trợ tâm lý cho cộng đồng LGBT là hoạt động cần thiết để hỗ trợ người LGBT tự tin hơn trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Kim Ngân, An Thanh Ly**, Thực trạng phân biệt đối xử dựa trên khác biệt xu hướng tính dục tại nơi làm việc đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới ở khu công nghiệp, Tạp chí y học cộng đồng, số 4 (51) – Tháng 07-908/2019.
- Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (ISEE)**, Tổng luận nghiên cứu về người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam, 2013.
- Gates G. How many people are lesbian, gay, bisexual, and transgender?** 2011 [cited 2023; Available from: [http:// williamsinstitute](http://williamsinstitute).

law.ucla.edu/wp-content/uploads/Gates-How-Many-People-LGBT-Apr-2011.pdf.

4. **American Psychological Association.** (2012). Guidelines for psychological practice with lesbian, gay, and bisexual clients. *American Psychologist*, 67(1), 10–42. <https://doi.org/10.1037/a0024659>
5. **Margaret Rosario, Eric W. Schrimshaw, and Joyce Hunter,** Disclosure of Sexual Orientation and Subsequent Substance Use and Abuse Among Lesbian, Gay, and Bisexual Youths: Critical Role of Disclosure Reactions, *Psychol Addict Behav.* 2009 Mar; 23(1): 175–184. doi: 10.1037/a0014284.
6. **Donatella Di Marco, Helge Hoel, Alicia**

Arenas & Lourdes Munduate (2022). Non-Heteronormative Sexual Orientations at Work: Disclosure Dynamics and the Negotiation of Boundaries between Lesbian and Gay Employees and Their Co-workers, *Journal of Homosexuality*, DOI: 10.1080/00918369.2022.2122365.

7. **Eisenberg, Marla E., Gower, Amy L., Río-González, Ana María del, Nic Rider, G., Bowleg, Lisa, Russell, Stephen T.** Interpersonal Protective Factors for LGBTQ+ Youth at Multiple Intersecting Social Identities and Positions, *Annals of LGBTQ Public and Population Health*, Jun 2023, DOI: 10.1891/LGBTQ-2022-0027.

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT ĐƯỜNG HUYẾT Ở BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYP 2 MÃN KINH CÓ THỪA CÂN, BÉO PHÌ

Đông Thị Dung¹, Nguyễn Khoa Diệu Vân^{1,2}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát thực trạng kiểm soát đường huyết ở bệnh nhân ĐTĐ typ 2 mãn kinh có thừa cân, béo phì. **Đôi tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 112 bệnh nhân đái tháo đường typ 2 mãn kinh có thừa cân, béo phì đến khám tại khoa Khám bệnh - Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 1/2023 đến tháng 8/2023. **Kết quả:** Tuổi trung bình 68.1 ± 8.3 tuổi; tuổi mãn kinh trung bình 50.8 ± 2.8 tuổi; > 70% BN mãn kinh trên 10 năm. Tỷ lệ mắc đái tháo đường typ 2 trên 10 năm là cao nhất 58.0%. BMI trung bình là 25.7 ± 2.4 kg/m². Vòng eo trung bình là 90.9 ± 6.9 với tỷ lệ vòng eo ≥ 80 cm chiếm tới 97.3%. Tỷ lệ đạt mục tiêu HbA1c < 7% là 30.4%, HbA1c trung bình là 8.2 ± 1.6%. Glucose máu lúc đói trung bình 8.5 ± 2.7 mmol/L. Có mối liên quan giữa tỷ lệ đạt HbA1c < 7% và số lượng triệu chứng cơ năng thời kỳ mãn kinh. **Kết luận:** Thực trạng kiểm soát đường máu còn kém. Thừa cân, béo phì đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng tới đạt mục tiêu kiểm soát bệnh. Cần cá thể hóa trong điều trị, đồng thời nhấn mạnh vai trò của dinh dưỡng và tập thể lực để đạt mục tiêu kiểm soát cân nặng. **Từ khóa:** đái tháo đường, mãn kinh, thừa cân, béo phì.

SUMMARY

GLYCEMIC CONTROL STATUS IN OVERWEIGHT AND OBESE POSTMENOPAUSAL TYPE 2 DIABETIC PATIENTS

Objectives: To investigate the status of glycemic control in overweight and obese postmenopausal type 2 diabetic patients. **Subjects and methods:** A prospective cross-sectional descriptive study on 112

overweight and obese postmenopausal type 2 diabetic patients who visited the Outpatient Department, Bach Mai Hospital from January 2023 to August 2023. **Results:** The average age was 68.1 ± 8.3 years old; the average age of menopause was 50.8 ± 2.8 years; > 70% of patients have experienced menopause for more than 10 years. The rate of having type 2 diabetes for over 10 years is the highest at 58.0%. The mean BMI was 25.7 ± 2.4 kg/m². The average waist circumference is 90.9 ± 6.9 with a waist circumference ≥ 80 cm accounting for 97.3%. The rate of HbA1c < 7% was 30.4%, the mean HbA1c was 8.2 ± 1.6%. The average fasting blood glucose was 8.5 ± 2.7 mmol/L. There was a relationship between the rate of achieving HbA1c < 7% and the number of menopausal symptoms. **Conclusions:** Glycemic control status is still poor. Overweight and obesity have a significant role in attaining disease control goals. Treatment must be personalized, while emphasizing the role of nutrition and exercise in achieving weight-control objectives. **Keywords:** diabetes, menopause, overweight, obesity.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đái tháo đường typ 2 (chiếm > 90% tổng số các trường hợp ĐTĐ) là kết quả của sự kết hợp giữa tình trạng đề kháng với hoạt động của insulin và đáp ứng chế tiết insulin bù trừ không thỏa đáng¹.

Lợi ích của kiểm soát tốt đường huyết đã được chứng minh rõ trong nghiên cứu nền tảng UKPDS⁴: giảm 1% HbA1c làm giảm 21% tỷ lệ tử vong, giảm 37% tỷ lệ các biến chứng thận và mắt, và giảm 14% tỷ lệ nhồi máu cơ tim. Tuy nhiên, thực tế kiểm soát đường huyết còn nhiều hạn chế do các yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó không thể không nhắc đến sự gia tăng đáng kể tỷ lệ thừa cân, béo phì. Tại Việt Nam, tỷ lệ đạt mục tiêu glucose lúc đói cũng như HbA1c còn thấp, dao động từ 20 – 40%².

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Bạch Mai

Chịu trách nhiệm chính: Đông Thị Dung

Email: dungkykthn@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 10.11.2023

Ngày duyệt bài: 23.11.2023